

# PEDESTRIAN PASS-THROUGH STATION

Estación de paso para peatones

Trạm đi xuyên qua dành cho người đi bộ

行人通行站

Проходная станция для пешеходов

## WALKING PATH

Camino a pie  
Đường đi bộ  
歩行道  
Пешеходная дорожка

## UTILITY CABINET

Armario de servicios  
Tủ kỹ thuật  
用品柜  
Коммунальный отсек

## BUS STATION MARKER

Marcador de estación de bus  
Biển báo bến xe buýt  
公交车站  
Маркер автобусной остановки

## PLATFORM

Plataforma  
Nền tảng  
平台  
Платформа

## SHELTER

Refugio  
Nhà chờ có mái che  
庇護所  
Навес

## AMENITIES

Comodidades  
Tiện nghi  
設施  
Удобства

## FREE-STANDING SIGN

Señal vertical  
Bảng hiệu đứng  
自由站立的志  
Отдельно стоящий знак

## BACK DOOR

Puerta trasera  
Cửa sau  
後門  
Задняя дверь

## MIDDLE DOOR

Puerta intermedia  
Cửa giữa  
中門  
Средняя дверь

## ACCESSIBLE WAITING AREA

Área de espera accesible  
Khu vực chờ có lối vào cho người khuyết tật  
可達等候區  
Зона ожидания с подходами

## FRONT DOOR

Puerta principal  
Cửa trước  
前門  
Передняя дверь

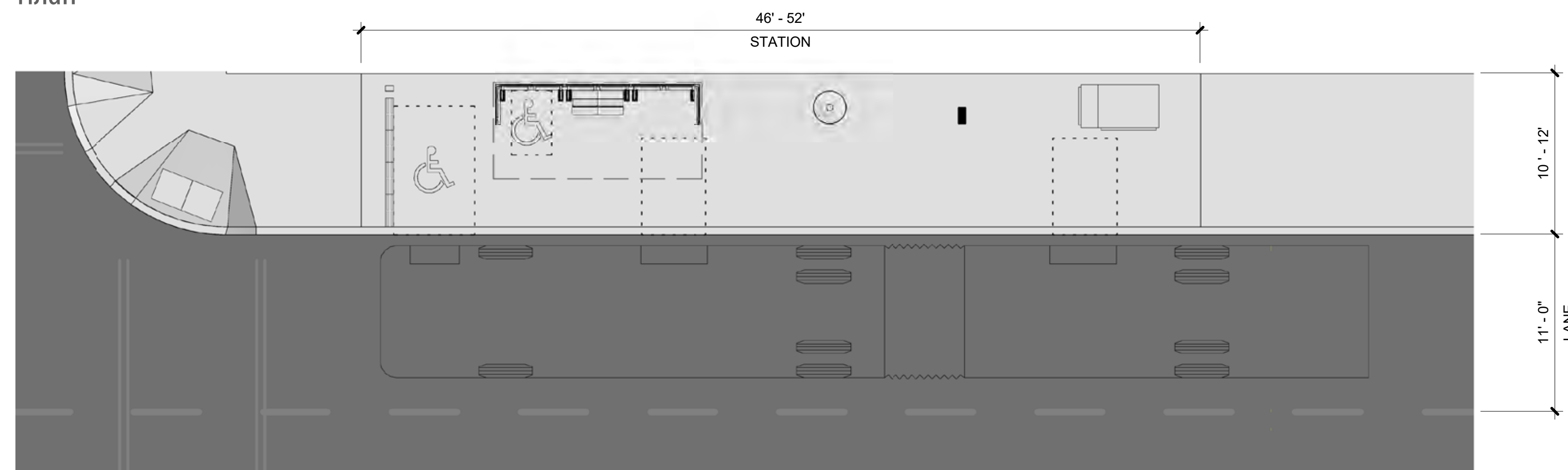
## DIRECTIONAL PAVER

Adoquín direccional  
Gạch lát vỉa hè mang tính chỉ báo  
定向机  
Брусчатка с указанным направлением движения

DELINEATED DETECTABLE SURFACE (9" platform height only)  
Superficie Perceptible Delineada (solamente de altura de la plataforma de 9")  
Bề mặt Có thể phát hiện Phức tạp (chỉ cao 9")  
描繪的可檢測表面 (僅限9"平臺高度)  
Поверхность с нанесенной разметкой (только для платформы высотой 9")

## PLAN

Plan  
Quy hoạch  
計劃  
План



## PERSPECTIVE

Perspectiva  
Phối cảnh  
遠景  
Перспектива

